TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 08/8/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Lương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thủy
Ông Nguyễn Văn Thục

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Nguyễn Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 08 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 06 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2025/QĐXX-ST ngày 09/06/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Hữu T, sinh ngày 12/09/1995 (vắng mặt)
Căn cước công dân: 024095005698
Nơi cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Chị Lương Thị Kiều T, sinh ngày 26/04/1997 (vắng mặt)
Căn cước công dân: 024197006122
Nơi cư trú và địa chỉ cuối cùng tại Việt Nam: thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Hiện lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn anh Đặng Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn anh, chị T được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 15/09/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh làm dâu và chung sống hòa

thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2019 chị T đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến cuối năm 2020 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Lương Thị Kiều T.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là cháu Đặng Hữu N, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Đặng Hữu H, sinh ngày 16/12/2016 hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh. Sau ly hôn anh đề nghị:

- Giao cháu N cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao cháu H cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho anh nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Lương Thị Kiều T là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/06/2025 và 24/06/2025, ông Lương Thế A là bố chị Lương Thị Kiều T cho biết.

Về hôn nhân của chị T, anh T gia đình cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 15/09/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị T về nhà anh T làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2019 chị T đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan anh, chị vẫn hòa thuận nhưng đến cuối năm 2020 phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đoàn.

Về con chung: Chị T, anh T có 02 con chung là cháu Đặng Hữu N, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Đặng Hữu H, sinh ngày 16/12/2016 hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh T.

Ngoài ra gia đình cho biết: Trước khi đi lao động tại Đài Loan chị T sinh sống cùng gia đình tại thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Sau khi sang Đài Loan chị T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Gia đình đã thông báo cho chị T biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang thụ lý giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa anh T và chị T thì chị T cho biết: chị đồng ý ly hôn anh T và đồng ý yêu cầu giao nuôi con sau ly hôn của anh T.

Cháu Đặng Hữu N trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bố tại thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống được bố mẹ quan tâm chăm

sóc cẩn thận, chu đáo, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Mẹ cháu hiện đang lao động tại nước ngoài, hàng ngày có gọi điện hỏi thăm. Do cháu sinh sống cùng bố đang ổn định nên nếu bố mẹ ly hôn cháu muốn sinh sống cùng bố.

Cháu Đặng Hữu H trình bày: Hiện nay cháu đang sinh sống cùng bố tại thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Quá trình chung sống được bố mẹ quan tâm chăm sóc cẩn thận, chu đáo, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Mẹ cháu hiện đang lao động tại nước ngoài, hàng ngày có gọi điện hỏi thăm. Do bố mẹ cháu đã nói chuyện với cháu về việc nếu bố mẹ ly hôn thì mỗi người sẽ nuôi 01 con nên nếu bố mẹ ly hôn cháu sẽ sinh sống cùng mẹ. Trong thời gian mẹ ở nước ngoài cháu sẽ sinh sống cùng bố.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T; Biên bản làm việc với ông A là bố mẹ của chị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Hữu T; xử:

Về hôn nhân: anh Đặng Hữu T được ly hôn chị Lương Thị Kiều T.

Về con chung: Giao cháu Đặng Hữu N cho anh Đặng Hữu T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Đặng Hữu H cho chị Lương Thị Kiều T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của

pháp luật. Nhưng tạm giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Anh T khởi kiện xin ly hôn chị T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại Công văn số 1596/QLXNC ngày 17/06/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Bắc Giang (nay là Bắc Ninh) cung cấp, chị T xuất cảnh gần nhất ngày 03/09/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do đó, chị T được xác định là đang ở nước ngoài. Mặt khác, chị T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Ninh. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và ông Lương Thế A (bố chị T) Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của chị T ở Việt Nam là: thôn T, xã N, tỉnh Bắc Ninh. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho chị T thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho chị T biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đang thụ lý giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa anh Đặng Hữu T và chị Lương Thị Kiều T. Gia đình chị T cho biết chị T vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng chị T không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của chị T tại Đài Loan. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Anh Đặng Hữu T và chị Lương Thị Kiều T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 15/09/2014 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang (nay là xã N, tỉnh Bắc Ninh). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Lương Thị Kiều T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn anh T, chị T chung sống hòa thuận. Năm 2019 chị T đi lao động tại Đài Loan. Sang Đài Loan vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến cuối năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên sống ly thân nhau từ đó đến nay. Tại biên bản làm việc với gia đình chị T, ông A là bố chị T cho biết: chị T, anh T phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2020 và sống ly thân nhau từ đó đến nay. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định chị T, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T với chị T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Anh T, chị T có 02 con chung là cháu Đặng Hữu N, sinh ngày 02/01/2015 và cháu Đặng Hữu H, sinh ngày 16/12/2016. Hiện nay các cháu đang sinh sống cùng anh T. Sau khi ly hôn anh T đề nghị giao cháu N cho anh là người trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu H cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho anh nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của anh T, Hội đồng xét xử thấy: Chị T hiện đang lao động tại Đài Loan nên không đảm bảo việc trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Cháu N trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố nếu bố mẹ ly hôn. Cháu H trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, cháu đồng ý ở với bố trong thời gian mẹ đi lao động nước ngoài. Anh T đồng ý nuôi dưỡng cháu H cho chị T cho đến khi chị T về nước sinh sống. Các con chung hiện đang sinh sống ổn định cùng anh T, các cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của anh T sau ly hôn là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn, anh Đặng Hữu T, chị Lương Thị Kiều T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh Đặng Hữu T, chị Lương Thị Kiều T có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Anh Đặng Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

[9]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị T đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh Đặng Hữu T được ly hôn chị Lương Thị Kiều T.

2. Về con chung: Giao cháu cháu Đặng Hữu N, sinh ngày 02/01/2015 cho anh Đặng Hữu T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Đặng Hữu H, sinh ngày 16/12/2016 cho chị Lương Thị Kiều T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu H cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, anh Đặng Hữu T, chị Lương Thị Kiều T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Đặng Hữu T phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005786 ngày 04/06/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận anh Đặng Hữu T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Anh Đặng Hữu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Chị Lương Thị Kiều T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã N, tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Lương